

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 44/2024/DSST
Ngày 19 tháng 8 năm 2024
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng và Ông Nguyễn Đình Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tình- Kiểm sát Viên.

Trong ngày 19/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 04/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2024/QĐXXST ngày 08/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2024/QĐ-HPT ngày 24/7/2024, giữa các đương sự:

+/Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (viết tắt: V1)

Địa chỉ: tầng A, 2, Tòa nhà S P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng- Vùng tây Hà Nội kiêm nhiệm giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng – vùng B. Đơn vị: Mạng lưới chi nhánh – khối ngân hàng bán lẻ.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Văn P - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Có mặt tại phiên tòa).

+/Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984 (Chồng).

-Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986.(Vợ)

Đều cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đều vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/8/2022, Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh V2 - Phòng G (sau đây viết tắt là V1) đã ký hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 cho

ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984 (chồng) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 (vợ) đều cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An vay số tiền 480.000.000 đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 180 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên nếu khoản tín dụng được giải ngân nhiều lần.

Thời hạn giải ngân: các khoản tiền vay sẽ được VIB giải ngân trong vòng tối đa 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lần giải ngân đầu tiên không vượt quá 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.

Phương thức cho vay: cho vay từng lần.

Mục đích cấp tín dụng: Bên được cấp tín dụng được VIB cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu và mua sắm trang thiết bị tại xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Lãi suất tính lãi: Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của V1 từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Mức lãi suất cho vay và /hoặc nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ.

Trong trường hợp ngày xác định lãi suất là ngày nghỉ hoặc ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam và của V1, lãi suất sẽ được V1 xác định vào ngày làm việc kế tiếp và lãi suất mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày xác định lãi suất đó.

Thời hạn tính lãi: Được xác định từ ngày giải ngân khoản tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tín dụng (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

Tiền lãi sẽ được cộng dồn hàng ngày trên cơ sở số dư nợ thực tế, số ngày duy trì số dư nợ thực tế đó, lãi suất tính lãi và một năm có 365 ngày.

Phương thức hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng;

Phương thức trả lãi: Hàng tháng;

Phương thức trả phí: Theo quy định tại biểu phí của V1 từng thời kỳ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng thì ngày 09/8/2022, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đã được ngân hàng TMCP Q giải ngân theo Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 với số tiền 480.000.000 đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích vay: sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu và mua sắm trang thiết bị tại xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày 10/8/2022 đến ngày 09/8/2037; Phương thức giải ngân: tiền mặt/vào tài khoản của bên được cấp tín dụng mở tại VIB tên chủ tài khoản: Nguyễn Văn H1, số tài khoản: 984442789; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13,50%/năm, lãi suất này sẽ được V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,9%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày mùng 10, mỗi tháng trả 2.667.000 đồng, số tiền gốc còn lại trả vào cuối kỳ, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 10/9/2022; Ngày trả lãi: vào ngày 10 hàng

tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 10/9/2022; Ngày trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Ngày 10/8/2022, căn cứ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng của khách hàng là ông Nguyễn Văn H1 (ông H1 được bà Nguyễn Thị D ủy quyền làm đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng gửi V1) thì Ngân hàng TMCP Q đã đồng ý mở thẻ và cấp tín dụng theo đề nghị của khách hàng qua thẻ với tổng số tiền được cấp 71.010.000 đ (bảy mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng).

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D là: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 57, địa chỉ thửa đất tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có diện tích là: 577,5 m² (bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy phẩy năm mét vuông), trong đó gồm: 150,0 m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm: 427,5 m². Thửa đất trên đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS00175 ngày 17/5/2022 mang tên ông Nguyễn Văn H1. Thửa đất này đã được ông Nguyễn Văn H1 đồng ý thế chấp cho ngân hàng TMCP Q để đảm bảo cho khoản vay chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022, Hợp đồng thế chấp được công chứng tại trụ sở Văn phòng C có địa chỉ tại số E, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 04/8/2022 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tỉnh Nghệ An ngày 08/8/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 tính từ ngày giải ngân là ngày 09/8/2022 đến ngày 10/10/2023, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đã trả được cho V1 tổng số tiền là 112.409.900 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 34.671.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 77.738.866 đồng, nợ lãi quá hạn: 14 đồng.

Do ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi hàng tháng khi đến hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 nên toàn bộ các khoản vay của ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D1 tại ngân hàng TMCP Q đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/10/2023.

Tính đến ngày 20/02/2024, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D còn nợ ngân hàng TMCP Q các khoản nợ bao gồm: nợ theo hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 là: 477.862.411 đồng bao gồm: nợ gốc: 445.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 31.346.745 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.186.666 đồng và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 là: 85.822.976 đồng bao gồm: nợ gốc: 71.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.195.076 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.617.900 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đang nợ ngân hàng TMCP Q tại hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 tạm tính đến

ngày 20/02/2024 là: 563.685.387 đồng, trong đó: nợ gốc: 516.339.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 39.541.821 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.804.566 đồng.

Do ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ hoàn trả gốc, lãi hàng tháng khi đến hạn theo quy định tại các điểm 2.8.1 và 2.8.2 của tiểu mục 2.8 mục 2 tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 và theo quy định tại tiểu mục 2.5. mục 2 của hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 cho Ngân hàng TMCP Q nên Ngân hàng TMCP Q đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả các khoản nợ gốc, nợ lãi còn thiếu cho ngân hàng TMCP Q.

Tại phiên tòa đại diện của V1 tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ gốc và các khoản lãi còn thiếu cho V1 tại hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 cho V1 tạm tính đến ngày xét xử là ngày 19/8/2024 với tổng số tiền là: 627.425.482 đồng, trong đó: nợ gốc: 516.339.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 86.090.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 24.995.836 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP Q thì đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng TMCP Q có quyền được tự phát mại các tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H1 với bên nhận thế chấp là ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Đối với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D:

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án trực tiếp tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng; giấy triệu tập đến làm việc tại Tòa án đầy đủ và ông H1 đã đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng; giấy triệu tập của Tòa án thay cho bà Nguyễn Thị D và cam kết chịu trách nhiệm giao lại tận tay ngay cho bà Nguyễn Thị D các văn bản đã nhận của Tòa án. Tuy nhiên, sau khi nhận các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án thì ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đã không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa nên quá trình giải quyết vụ án Tòa án không lấy được ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2024 thể hiện: Thửa đất số: 89, tờ bản đồ số 57; Địa chỉ thửa đất tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có diện tích là: 577,5m², trong đó gồm: 150,0 m² đất ở tại nông thôn và đất trồng

cây lâu năm: 427,5m². Diện tích, chiều dài các cạnh, các mặt của thửa đất không có gì thay đổi so với hồ sơ kỹ thuật đất, phù hợp với quy hoạch và không tranh chấp với các hộ liền kề, không có các tài sản gì trên thửa đất.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo quy định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ theo quy định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 243; 250; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại điều 70; 71, 85, 86 và Điều 234 của BLTTDS. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D: Chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30 BLTTDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Điều 1, điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch đảm bảo. Điều 280, 317, 318, 319, 351, 357, 465, 466 , 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D.

Buộc: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2024 của Hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 với tổng số tiền là: 627.425.482 đồng (Sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 516.339.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 86.090.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 24.995.836 đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi suất của số tiền chưa trả cho ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/8/2024 cho đến lúc thanh toán đầy đủ các khoản nợ

theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và có sự điều chỉnh tiền lãi theo quy định mà các bên đã thỏa thuận.

Xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP Q có quyền tự phát mại các tài sản thế chấp hoặc có quyền yêu cầu Chi cục thi hành dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022 để thu hồi nợ nếu như vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ còn thiếu cho ngân hàng TMCP Q.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ cho việc thanh toán các khoản nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Nghệ An nên TAND huyện Yên Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu nguyên đơn và bị đơn, có mặt tại Tòa án để tham gia mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và giải quyết vụ án, nhưng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đều không có mặt các buổi làm việc tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử để giải quyết tranh chấp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D.

[2] Về nội dung:

Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy:

+ Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và các khoản lãi còn thiếu cho V1 thấy rằng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 8002842(1).22 ngày 09/8/2022; Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022; Bản sao kê lịch trả nợ của ngân hàng cung cấp; Bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thấy việc ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị D đã ký hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 trên thực tế là có thực. Sau khi ký hợp đồng tín dụng thì ngày 09/8/2022 căn cứ vào Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vay số tiền 480.000.000 đồng. Ông H1, bà D đã nhận đủ số tiền vay trên bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản cá nhân số: 984442789 chủ tài khoản là ông Nguyễn Văn H1. Ngoài ra, căn cứ vào Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 thì ngân hàng TMCP Q đã đồng ý cấp mức tín dụng bằng thẻ cho ông Nguyễn Văn H1 với tổng số tiền vay qua thẻ tín dụng là 71.010.000 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 tính từ ngày giải ngân là ngày 09/8/2022 đến ngày 10/10/2023 ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đã trả được cho V1 tổng số tiền là 112.409.900 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 34.671.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 77.738.866 đồng, nợ lãi quá hạn: 14 đồng.

Tính đến ngày 20/02/2024, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D còn nợ VIB các khoản nợ bao gồm: Nợ theo hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 là: 477.862.411 đồng bao gồm: nợ gốc: 445.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 31.346.745 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.186.666 đồng và các khoản nợ theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 là: 85.822.976 đồng bao gồm: nợ gốc: 71.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.195.076 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.617.900 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D đang nợ VIB tại Hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 tạm tính đến ngày 20/02/2024 là: 563.685.387 đồng, trong đó: nợ gốc: 516.339.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 39.541.821 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.804.566 đồng.

Do ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ hoàn trả gốc, lãi hàng tháng khi đến hạn theo quy định tại các điểm 2.8.1 và 2.8.2 của tiêu mục 2.8 mục 2 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 và theo quy định tại tiêu mục 2.5. mục 2 của hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 cho Ngân hàng TMCP Q. Do đó Ngân hàng TMCP Q đã có thông báo đôn đốc ông H1, bà D phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ còn thiếu cho ngân hàng đúng thời hạn, nhưng ông H1, bà D không thực hiện nên toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi của ông H1, bà D kể từ ngày 10/10/2023 đã bị chuyển sang nợ quá hạn theo quy định tại tiêu mục 4.3 mục 4

của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022. Do vậy, ngày 22/02/2024, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện buộc bên vay là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc, các khoản nợ lãi còn thiếu cho ngân hàng, cụ thể các khoản nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 19/8/2024 với tổng số tiền nợ tại hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 là: 627.425.482 đồng, trong đó: nợ gốc: 516.339.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 86.090.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 24.995.836 đồng được thể hiện tại Bảng kê tính tiền gốc, tiền lãi chi tiết ngày 19/8/2024 do V1 cung cấp được lưu tại hồ sơ vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo mà bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022 thấy rằng:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 thì V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vay số tiền 480.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 và số tiền 71.010.000 đồng theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ký ngày 10/8/2022. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Nguyễn Văn H1 đã thế chấp tài sản riêng của mình gồm: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 57, địa chỉ thửa đất tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, có diện tích là: 577,5 m² (bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy phẩy năm mét vuông), trong đó gồm: 150,0 m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm: 427,5 m². Thửa đất trên đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS00175 ngày 17/5/2022 mang tên ông Nguyễn Văn H1 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022, Hợp đồng thế chấp được công chứng tại trụ sở Văn phòng C có địa chỉ tại số E, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 04/8/2022 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tỉnh Nghệ An ngày 08/8/2022.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2024 thì: Thửa đất số: 89, tờ bản đồ số 57, địa chỉ thửa đất tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có diện tích là: 577,5 m², trong đó gồm: 150,0 m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm: 427,5 m². Diện tích, chiều dài các cạnh, các mặt của thửa đất không có gì thay đổi so với hồ sơ kỹ thuật đất, phù hợp với quy hoạch và không có tranh chấp với các hộ liền kề, tài sản trên thửa đất không có tài sản gì.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022 giữa bên cho vay và bên vay được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên đương sự, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q với bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H1 để đảm bảo toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của ông H1, bà D tại hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày

10/8/2022. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được lập thành văn bản, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; Tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu riêng của ông Nguyễn Văn Hoàng, không có khiếu nại tranh chấp, ông H1 tự nguyện thế chấp tài sản của mình để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay chung của vợ chồng; Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N, tỉnh Nghệ An. Việc ký kết hợp đồng đảm bảo các quy định về đối tượng thế chấp, điều kiện thế chấp và tài sản mà ông H1 thế chấp cho ngân hàng TMCP Q không thuộc trường hợp tài sản không được thế chấp theo quy định tại Điều 7, Điều 23, Điều 27 Quyết định số 217/QĐ- ngày 17/8/1996 của Ngân hàng N về việc ban hành quy chế thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh vay vốn ngân hàng; Khoản 1 Điều 295 Bộ luật dân sự nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết giữa bên nhận thế chấp và bên thế chấp. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi hàng tháng theo quy định cho ngân hàng nên ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc bên vay (bị đơn) phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, lãi còn thiếu cho ngân hàng. Trong trường hợp bên vay (bị đơn) không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền tự mình phát mại các tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất theo quy định tại tiểu mục 6.3 mục 6 của các Hợp đồng thế chấp mà không cần sự chấp thuận của ông Nguyễn Văn H1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đã chi phí hết số tiền trên, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thuộc trách nhiệm của bị đơn. Vì vậy, buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên nên buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ trên cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 288; 317; 318, 319, 320, 321, 322, 351, 357, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N về Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng N; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V1) đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D.

Buộc: Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ gốc và các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 8002842(1).22 ngày 09/8/2022 và các khoản nợ theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 10/8/2022 tạm tính đến ngày 19/8/2024 với tổng số tiền nợ là: 627.425.482 đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 516.339.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 86.090.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 24.995.836 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/8/2024, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 8002842.22 ngày 04/8/2022 và được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định của ngân hàng TMCP Q theo từng thời kỳ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng TMCP Q làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên thì ngân hàng TMCP Q có quyền tự mình phát mại các tài sản đảm bảo hoặc ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo mà ông Nguyễn Văn H1 đã thế chấp cho ngân hàng TMCP Q tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 332.1610.22 ngày 04/8/2022 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ. Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản để thu hồi nợ mà còn dư (thừa) tiền (giá trị của tài sản) thì ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền thừa trên cho bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D.

Sau khi ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì VIB phải có nghĩa vụ trả lại giấy tờ về tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn H1.

- Về Lệ phí và chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng cho ngân hàng TMCP Q.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 29.097.019 đ (Hai mươi chín triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm mười chín đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là 13.273.000đ (Mười ba triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002791 ngày 02/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của các bị đơn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Vũ Anh Ngọc